



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (84-024) 37914876; Fax: (84-024) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (N^o): V04.CN5.0085.22

Tên đối tượng (Object): **Áp kế hiển số**

Kiểu (Type): 700GA06

Số (Serial N^o)/Mã QL (Tag N^o): 4890650

Nơi sản xuất (Manufacturer): Fluke

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): $(0 \div 7)$ bar abs

Độ phân giải (Resolution): 0,0001 bar

Cơ sở sử dụng (Customer):

Công ty TNHH Đảm bảo Chất lượng Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 76 : 2001

Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiển số - Quy trình hiệu chuẩn

(Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Áp kế hiển số chuẩn PPC3

Kiểu: PPC3 - 700K; Số: 1083

Độ không đảm bảo đo: 0,0073 %FS với $(k = 2; P = 95\%)$

Chuẩn được liên kết đến hệ đo lường Quốc tế SI

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31-05-23

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)



VIỆN TRƯỞNG
(Director)



Ngô Thị Ngọc Hà

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (Attached to certificate N^o): V04.CN5.0085.22

Kết quả (Results):

TT	P chuẩn (Std)	P đo tb (test mean)	ΔP	(*) U _{exp}
	bar	bar	bar	bar
1	0,3000	0,2999	-0,0001	0,0005
2	0,5000	0,4998	-0,0002	0,0005
3	1,5000	1,5002	0,0002	0,0005
4	2,1000	2,1003	0,0003	0,0005
5	2,8000	2,8003	0,0003	0,0005
6	3,5000	3,5002	0,0002	0,0005
7	4,2000	4,1998	-0,0002	0,0005
8	4,9000	4,8997	-0,0003	0,0005
9	5,6000	5,5998	-0,0002	0,0005
10	6,3000	6,2997	-0,0003	0,0005
11	7,0000	6,9998	-0,0002	0,0006

Chú thích:

(*) U_{exp} là độ không đảm bảo đo mở rộng, được công bố với k= 2; P= 95%

Phương trình hiệu chuẩn:

Giá trị áp suất chuẩn được tính như sau:

$$P_{\text{hiệu chỉnh}} = -0,0001 + 1,000049795 * P_{\text{đọc}} \pm 0,0006$$

Trong đó:

P_{đọc} là giá trị áp suất hiện thị trên thiết bị

P_{hiệu chỉnh} là giá trị áp suất sau khi hiệu chỉnh

Điều kiện hiệu chuẩn: Nhiệt độ : (20 ± 2) °C; Độ ẩm: (60 ± 10) %RH

Người hiệu chuẩn

Trần Khắc Dương



Trang: 2/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)